CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số: 325/QĐ-TCĐCN&XD ngày 15/7/2020)*

Tên ngành, nghề: **CÔNG NGHỆ Ô TÔ**

Mã ngành, nghề: **5510216**

Trình độ đào tạo: **Trung cấp**

Hình thức đào tạo: **Chính qui**

Đối tượng tuyển sinh: **Tốt nghiệp THPT, THCS hoặc tương đương**

Thời gian đào tạo: **1,5 năm**

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

**1.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo trình độ trung cấp Công nghệ ô tô nhằm đào tạo kỹ thuật viên có phẩm chất đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, có tư duy khoa học, năng động sáng tạo; có tinh thần trách nhiệm, ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, có trình độ lý thuyết và kỹ năng thực hành tương xứng bậc trung cấp; có khả năng tự nghiên cứu học nâng cao trình độ cập nhật kiến thức công nghệ mới và học liên thông lên trình độ cao đẳng thuộc chuyên ngành Công nghệ ô tô.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

Kỹ thuật viên trình Công nghệ ô tô là người có phẩm chất đạo đức tốt, có đủ sức khoẻ và trình độ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp để làm việc trong các cơ quan và các Công ty xí nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ, công nghệ và sửa chữa ô tô cụ thể như sau:

***1.2.1. Kiến thức***

- Trình bày được cấu tạo và nguyên lý hoạt động các hệ thống, cơ cấu cơ bản trong ô tô;

- Tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;

- Giải thích được nội dung các công việc trong quy trình tháo, lắp, kiểm tra,  
hiệu chỉnh, bảo dưỡng và sửa chữa một số bộ phận, hệ thống cơ bản trên ô tô;

- Trình bày được yêu cầu cơ bản và các bước công việc trong quy trình kiểm  
tra, bảo dưỡng và sửa chữa một số bộ phận, hệ thống cơ bản trên ô tô;

- Trình bày được nguyên lý, phương pháp vận hành và phạm vi sử dụng các  
trang thiết bị cơ bản trong ngành, nghề Công nghệ ô tô;

- Trình bày được các nội dung, ý nghĩa của kỹ thuật an toàn và vệ sinh công  
nghiệp;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp  
luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

***1.2.2. Kỹ năng***

- Đọc được bản vẽ kỹ thuật đơn giản; tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên  
ngành ô tô;

- Lựa chọn đúng và sử dụng thành thạo các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo  
và kiểm tra cơ bản trong ngành, nghề Công nghệ ô tô; bảo quản thiết bị và dụng cụ liên quan đến ngành, nghề Công nghệ ô tô;

- Kiểm tra những sai hỏng của các cụm chi tiết, hệ thống cơ bản trên ô tô;

- Lập được các quy trình tháo, lắp đơn giản của các bộ phận, hệ thống cơ bản  
trên ô tô;

- Lập được quy trình bảo dưỡng, sửa chữa đơn giản phù hợp với từng chi tiết,bộ phận, hệ thống và loại ô tô;

- Thực hiện các công việc bảo dưỡng, sửa chữa đúng quy trình, quy phạm và  
đảm bảo kỹ thuật;

- Tổ chức và quản lý quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tương ứng với trình độ  
được đào tạo;

- Thực hiện tốt các nội dung 5S;

- Đào tạo, bồi dưỡng được về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho người học ở  
trình độ thấp hơn.

- Kỹ năng sử dụng các thuật ngữ chuyên môn của ngành, nghề đào tạo trong  
giao tiếp hiệu quả tại nơi làm việc; phản biện và sử dụng các giải pháp thay thế;

- Đánh giá chất lượng các công việc đơn giản và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý,  
ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại  
ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn  
của ngành, nghề.

***1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm***

- Làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm;

- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc đã định sẵn;

- Đánh giá hoạt động của nhóm và kết quả thực hiện;

- Yêu nghề, có ý thức cộng đồng, tinh thần trách nhiệm tốt, thái độ ứng xử,  
giải quyết vấn đề nghiệp vụ hợp lý, cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc;

- Tinh thần hợp tác nhóm tốt, chủ động thực hiện công việc được giao và  
có tác phong công nghiệp;

- Chấp hành nghiêm quy định về bảo hộ lao động, an toàn lao động và  
phòng cháy chữa cháy;

- Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng  
nghề nghiệp.

**1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Chăm sóc và làm đẹp xe ô tô;

- Quản lý vật tư, phụ tùng ô tô;

- Lắp ráp trong lĩnh vực ô tô;

- Kinh doanh trong lĩnh vực ô tô và phụ tùng ô tô;

- Sửa chữa động cơ (máy) ô tô;

- Sửa chữa gầm ô tô;

- Sửa chữa điện thân xe

- Sửa chữa điện động cơ

- Sửa chữa điều hòa không khí ô tô

- Tư vấn dịch vụ trong lĩnh vực ô tô.

2. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN KHÓA HỌC

- Số lượng môn học, mô đun: 23

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 1755 giờ

- Khối lượng các môn học chung/đại cương:255 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn:1500 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 439 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1316 giờ

3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã MH/MĐ** | **Tên môn học, mô đun** | **Số tín chỉ** | **Thời gian học tập (giờ)** | | | |
| **Tổng số** | **Trong đó** | | |
| **Lý thuyết** | **Thực hành/thực tập, thí nghiệm, bài tập/thảo luận** | **Thi/Kiểm tra** |
|
| **I** | **Các môn học chung** | **12** | **255** | **94** | **148** | **13** |
| MH 1 | Chính trị | 2 | 30 | 15 | 13 | 2 |
| MH 2 | Pháp luật | 1 | 15 | 9 | 5 | 1 |
| MH 3 | Giáo dục thể chất | 1 | 30 | 4 | 24 | 2 |
| MH 4 | Giáo dục quốc phòng và an ninh | 2 | 45 | 21 | 21 | 3 |
| MH 5 | Tin học | 2 | 45 | 15 | 29 | 1 |
| MH 6 | Tiếng anh | 4 | 90 | 30 | 56 | 4 |
| **II** | **Các môn học, mô đun chuyên môn** | **54** | **1500** | **345** | **1117** | **38** |
| **II.1** | **Các môn học, mô đun cơ sở** | **6** | **120** | **59** | **55** | **6** |
| MH7 | Vẽ kỹ thuật | 2 | 30 | 20 | 9 | 1 |
| MH8 | TCSX & ATLĐ | 2 | 30 | 29 |  | 1 |
| MH9 | Thực hành nguội, gò | 2 | 60 | 10 | 46 | 4 |
| **II.2** | **Các môn học, mô đun chuyên môn** | **48** | **1380** | **286** | **1062** | **32** |
| MH 10 | Cấu tạo động cơ đốt trong | 4 | 60 | 50 | 8 | 2 |
| MH 11 | Thực hành bảo dưỡng sửa chữa động cơ đốt trong 1 | 3 | 90 | 9 | 77 | 4 |
| MH 12 | Thực hành bảo dưỡng sửa chữa động cơ đốt trong 2 | 3 | 90 | 14 | 74 | 2 |
| MH 13 | Trang bị điện ô tô | 4 | 60 | 51 | 7 | 2 |
| MH 14 | Thực hành bảo dưỡng sửa chữa điện ô tô | 4 | 120 | 15 | 103 | 2 |
| MH 15 | Cấu tạo gầm ô tô | 4 | 60 | 54 | 4 | 2 |
| MH 16 | Thực hành bảo dưỡng sửa chữa gầm ô tô 1 | 3 | 90 | 8 | 80 | 2 |
| MH 17 | Thực hành bảo dưỡng sửa chữa gầm ô tô 2 | 3 | 90 | 15 | 73 | 2 |
| MĐ18 | Kiểm tra sửa chữa pan động cơ ô tô | 4 | 120 | 14 | 102 | 4 |
| MĐ19 | Sửa chữa tổng thành động cơ | 2 | 60 | 5 | 51 | 4 |
| MĐ20 | Sửa chữa điện thân xe | 2 | 60 | 15 | 43 | 2 |
| MĐ21 | Sửa chữa điện động cơ | 2 | 60 | 16 | 42 | 2 |
| MĐ22 | Bảo dưỡng - Sửa chữa hệ thống điều hòa ô tô | 2 | 60 | 20 | 38 | 2 |
| MH 23 | Thực tập tại cơ sở | 8 | 360 |  | 360 |  |
|  | **Tổng cộng** | **66** | **1755** | **439** | **1265** | **51** |